

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG – VNSAT

BÁO CÁO
THỊ TRƯỜNG ĐỐI THỦ CẠNH TRANH
THỊ TRƯỜNG ẨM ĐỘ

Hà nội, 2019

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG	4
1. Sự cần thiết của báo cáo.....	4
2. Các thông tin cơ bản.....	4
3. Tình hình kinh tế	5
II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA GẠO CỦA ẤN ĐỘ	8
1. Biến động sản xuất	8
2. Hoạt động sơ chế và chế biến sản phẩm	12
3. Chính sách hỗ trợ sản xuất	13
III. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI LÚA GẠO CỦA ẤN ĐỘ.....	15
1. Xuất khẩu	15
2. Tiêu dùng trong nước.....	17
3. Dự trữ	18
4. Biến động giá cả.....	18
5. Chính sách thương mại	19
III. KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ LƯU Ý CHO NGÀNH GẠO VIỆT NAM.....	22
1. Kết luận	22
2. Một số lưu ý cho ngành gạo Việt Nam	23
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	24

DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH

Hình 1: Cơ cấu GDP theo ngành của Ấn Độ năm 2018.....	7
Hình 2: Phân bố lao động theo ngành của Ấn Độ năm 2018	7
Hình 3: Diện tích sản xuất lúa gạo của Ấn Độ so với Việt Nam, trong giai đoạn 2010-2019 (đơn vị: triệu ha)	8
Hình 4: Bản đồ phân bố diện tích sản xuất lúa gạo của Ấn Độ.....	9
Hình 5: Sản lượng lúa gạo của Ấn Độ so với Việt Nam (đơn vị: triệu tấn) và năng suất lúa của Ấn Độ (đơn vị: tấn/ha)	10
Hình 6: Khối lượng xuất khẩu gạo trong giai đoạn 2010-2019 của Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan và Việt Nam (đơn vị: triệu tấn)	15
Hình 7: Xuất khẩu gạo basmati và non-basmati của Ấn Độ, giai đoạn 2016-19	16
Hình 8: Tỷ trọng xuất khẩu gạo basmati của Ấn Độ theo thị trường (theo giá trị).....	16
Hình 9: Tỷ trọng xuất khẩu gạo non-basmati của Ấn Độ theo thị trường (theo giá trị)	17
Hình 10: Tiêu dùng gạo của Ấn Độ so với thế giới và Tiêu dùng gạo bình quân đầu người ở Ấn Độ (kg/người/năm) trong giai đoạn 2010-2019	17
Hình 11: Lượng gạo dự trữ của Ấn Độ so với thế giới (đơn vị: nghìn tấn)	18
Hình 12: Giá gạo trắng 5% tám xuất khẩu của Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam và Pakistan từ 11/2018 đến 11/2019 (đơn vị: USD/tấn).....	18
 Bảng 1: Tổng quan kinh tế Ấn Độ giai đoạn 2016-2018	 7
Bảng 2: Hỗ trợ giá tối thiểu (MSP) cho sản xuất lúa (Đơn vị: Rs/ta)	13

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Sự cần thiết của báo cáo

Lúa gạo là ngành hàng chủ lực của nông nghiệp Việt Nam. Sản xuất lúa gạo đã có bước tiến đáng kể trong nhiều thập niên qua, góp phần quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh lương thực và thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, Việt Nam liên tục nằm trong nhóm 5 nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới bên cạnh các nước như Ấn Độ, Thái Lan, Pakistan, Brazil. Gạo xuất khẩu Việt Nam luôn phải đối mặt với những cạnh tranh về giá gạo, khối lượng và chất lượng gạo với các đối thủ cạnh tranh ở cả các thị trường dễ tính như Đông Nam Á, Châu Phi và khó tính như Hoa Kỳ, châu Âu, Úc, Nhật. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của gạo Việt Nam, ngoài những giải pháp tăng cường nội lực sản xuất và xuất khẩu trong nước, cần nắm rõ được thực trạng và xu thế sản xuất, xuất khẩu gạo của các nước xuất khẩu khác.

Trong khuôn khổ hoạt động xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành hàng lúa gạo và cà phê của dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSAT, báo cáo phân tích thị trường đối thủ cạnh tranh về ngành gạo – thị trường Ấn Độ được xây dựng nhằm mục đích nắm bắt và hiểu thông tin về tình hình sản xuất, thương mại ngành lúa gạo của Ấn Độ - nhà xuất khẩu gạo lớn thứ nhất thế giới, đồng thời là đối thủ cạnh tranh của Việt Nam tại nhiều thị trường châu Phi. Những thông tin tổng hợp và phân tích trong báo cáo này được mong đợi sẽ là nguồn tham khảo để đưa ra những giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh ngành lúa gạo Việt Nam.

2. Các thông tin cơ bản

Tên đầy đủ: Cộng hòa Ấn Độ (India). **Thủ đô:** New Delhi

Diện tích: 3.287.590 km² (lớn thứ 7 trên thế giới).

Dân số: 1,37 tỷ người, đứng thứ 2 thế giới, độ tuổi trung bình 27,1

Ngôn ngữ: Tiếng Hindi và tiếng Anh. Tiếng Anh là ngôn ngữ kinh doanh.

Tôn giáo: 79,8% theo đạo Hindu; 14,2% theo đạo Hồi; 2,3% theo đạo Thiên chúa; 1,7% theo đạo Sikh; 0,7% theo đạo Phật; 0,4% theo đạo Jain; 0,23% không theo đạo và 0,65% theo các tôn giáo khác

Đơn vị tiền tệ: Đồng Rupee Ấn Độ (INR), 1 USD = 72.18 INR (tháng 11/2019)

Múi giờ: nằm tại Nam Á, múi giờ ICT (UTC+5), chậm 2 tiếng so với Việt Nam

Biên giới: có biên giới đường bộ với 7 quốc gia là Myanmar, Bangladesh, Bhutan, Nepal, Trung Quốc, Afghanistan (theo tuyên bố của Ấn Độ), Pakistan và có đường biên giới biển với Sri Lanka

Đặc điểm tự nhiên: Địa lý Ấn Độ đa dạng, bao gồm nhiều miền khí hậu khác biệt từ những dãy núi phủ tuyết cho đến các sa mạc, đồng bằng, rừng mưa nhiệt đới, đồi, và cao nguyên. Ấn Độ bao gồm một phần lớn của tiểu lục địa Ấn Độ nằm trên mảng kiến tạo Ấn Độ, phần phía Bắc của mảng Ấn-Úc. Ấn Độ có bờ biển dài 7.516 km, phần lớn Ấn Độ nằm ở bán đảo Nam Á vươn ra Ấn Độ Dương. Ấn Độ giáp Biển Ả Rập về phía Tây Nam và giáp Vịnh Bengal về phía Đông và Đông Nam.

Vùng đồng bằng Ấn-Hằng phì nhiêu chiếm phần lớn ở phía Bắc, miền Trung và Đông Ấn Độ. Về phía Tây của quốc gia này là sa mạc Thar, một hoang mạc hỗn hợp đá và cát. Biên giới phía Đông và Đông Bắc của quốc gia này là dãy Himalayas. Đỉnh cao nhất ở Ấn Độ là lãnh thổ tranh chấp với Pakistan; theo tuyên bố của Ấn Độ, đỉnh cao nhất (nằm ở khu vực Kashmir là K2, với độ cao 8.611 m. Đỉnh cao nhất ở trong lãnh thổ không tranh chấp của Ấn Độ là Kangchenjunga, với độ cao 8.598 m. Khí hậu Ấn Độ đa dạng từ khí hậu xích đạo ở cực Nam đến Alpine ở khu vực đỉnh Himalayas.

Thế chế chính trị: Nhà nước Ấn Độ được tổ chức theo hình thức liên bang và theo chế độ dân chủ đại nghị. Ấn Độ có ba nhánh chính phủ: Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp ở các cấp độ bang và quốc gia. Chính phủ liên bang gồm có: Tổng thống, Phó Tổng thống và Hội đồng Bộ trưởng. đứng đầu hội đồng Bộ trưởng là Thủ tướng. Tổng thống và Phó Tổng thống do cử tri đoàn bầu ra, nhiệm kỳ 5 năm.

Phó Tổng thống cũng đồng thời giữ chức Chủ tịch Thượng viện và thay thế Tổng thống khi Tổng thống vắng mặt. Thủ tướng đứng đầu Hội đồng Bộ trưởng, do Tổng thống bổ nhiệm trên cơ sở kết quả bầu cử Hạ viện trong toàn quốc, nhiệm kỳ 5 năm. Người được bổ nhiệm Thủ tướng là người đứng đầu đảng chính trị hoặc liên minh đảng chính trị giành được đa số trong Hạ viện.

Ngày nghỉ lễ, tết: tùy theo tôn giáo đa số mà từng vùng của Ấn Độ lại có ngày nghỉ riêng, tổng số ngày nghỉ lễ của Ấn Độ là 17 ngày. Các ngày nghỉ lễ chung là ngày Cộng hòa 26/1, ngày Độc Lập 15/8, ngày sinh nhật của vị anh hùng dân tộc Mahatma Gandhi 02/10. Bên cạnh đó, người dân Ấn Độ còn có các ngày nghỉ lễ lớn như lễ Shivaratri 7/2, sinh nhật thần Ganesh (từ 17 - 27/9), lễ giáng sinh, lễ hội ánh sáng Diwali ...

3. Tình hình kinh tế

Tổng quan về kinh tế Ấn Độ

Ấn Độ là một nước đang phát triển với nền kinh tế lớn thứ 6 thế giới và lớn thứ 3 ở châu Á, chỉ sau Trung Quốc và Nhật Bản. Nền kinh tế Ấn Độ đa dạng và bao gồm các ngành và lĩnh vực: nông nghiệp, thủ công nghiệp, dệt, chế tạo và nhiều ngành dịch vụ. Dù 2/3 lực lượng lao động Ấn Độ vẫn trực tiếp hay gián tiếp sống bằng nghề nông nhưng dịch vụ là một lĩnh vực đang tăng trưởng và đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế Ấn Độ.

Sự tiến tới một thời đại kỹ thuật số và một số lượng lớn dân số trẻ và có học, thông thạo tiếng Anh đang dần chuyển Ấn Độ thành một điểm đến quan trọng của các dịch vụ điều hành kinh doanh (back office) của các công ty toàn cầu khi họ tiến hành outsourcing (đưa một phần hoặc toàn bộ công việc sang cho các nước khác thực hiện) các dịch vụ khách hàng và hỗ trợ kỹ thuật của họ. Ấn Độ là một nước xuất khẩu chính nhân công tay nghề cao trong lĩnh vực phần mềm và các dịch vụ tài chính và công nghệ phần mềm. Các lĩnh vực khác như chế tạo, dược phẩm, công nghệ sinh học, công nghệ nano, viễn thông, đóng tàu và hàng không đang thể hiện tiềm năng mạnh và đang đạt mức tăng trưởng ngày càng cao hơn.

Lịch sử phát triển kinh tế của Ấn Độ

Từ sau khi giành được độc lập vào năm 1947 đến năm 1991, chính quyền Ấn Độ khuyến khích các chính sách bảo hộ kinh tế với sự can thiệp mạnh mẽ của chính quyền vào nền kinh tế, kiểm soát chặt chẽ sự tham gia của khu vực tư nhân, ngoại thương và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Sự kết thúc của chiến tranh lạnh và một cuộc khủng hoảng thanh toán trầm trọng trong năm 1991 đã thúc đẩy Ấn Độ mở cửa thị trường của mình thông qua các cuộc cải cách kinh tế theo hướng giảm kiểm soát của chính phủ đối với thương mại và đầu tư. Đến đầu thế kỉ 21, kinh tế Ấn Độ bắt đầu bùng nổ với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6-7%/năm trong giai đoạn 2013-2018. Ấn Độ hiện là nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, vượt qua cả Trung Quốc.

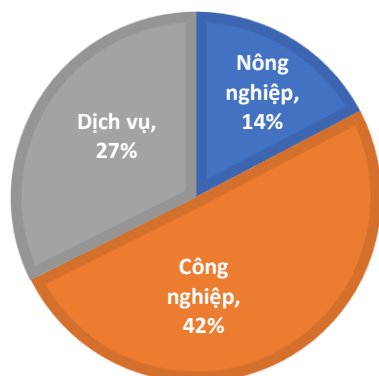
Nông nghiệp Ấn Độ

Ấn Độ vẫn được coi là một nền kinh tế nông nghiệp. Dù nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 17% tổng GDP nhưng lại chiếm tới 60% lực lượng lao động của nước này. Nhờ cách mạng xanh trong những năm 90, Ấn Độ đã gần như hoàn toàn tự cung được về lương thực và tiến tới xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản. Tổng sản lượng nông nghiệp của Ấn Độ đứng thứ 2 thế giới và đứng đầu về sản xuất nhiều mặt hàng như mía đường, chè, đậu, gạo,... Nhờ lợi thế về diện tích đất canh tác (chiếm tới 60,44% tổng diện tích nước này) ước tính đạt 179,8 triệu ha và trải rộng trên nhiều địa hình, kiểu khí hậu, Ấn Độ có khả năng trồng nhiều loại nông sản. Thêm vào đó, dân số trẻ và đông cũng là một yếu tố khác giúp Ấn Độ tiếp tục duy trì đà phát triển nông nghiệp hiện nay.

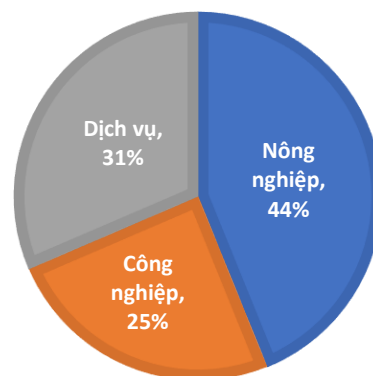
Thách thức lớn nhất của ngành nông nghiệp Ấn Độ hiện nay là phát triển hệ thống kho chứa, phân phối hàng nông sản, để giảm tỷ hao hụt sau thu hoạch hiện lên tới 60%.

Một số chỉ số kinh tế của Ấn Độ

Hình 1: Cơ cấu GDP theo ngành của Ấn Độ năm 2018



Hình 2: Phân bố lao động theo ngành của Ấn Độ năm 2018



Nguồn: Global EDGE

Bảng 1: Tổng quan kinh tế Ấn Độ giai đoạn 2016-2018

	2016	2017	2018
GDP	8,7 nghìn tỷ USD	9,5 nghìn tỷ USD	10,4 nghìn tỷ USD
Tăng trưởng GDP	8,17%	7,17%	6,98%
GDP theo đầu người	6634 USD	7168 USD	7761 USD
Tỷ lệ lạm phát	4,94%	2,49%	4,86%
Sản phẩm nông nghiệp	Gạo, lúa mì, bông, đậu, chè, đường, hành, khoai tây, củi, dê, gia cầm, cá,...		
Công nghiệp	Dệt, hóa chất, chế biến thực phẩm, thép, thiết bị vận tải, xi măng, mỏ, dầu khí, máy móc, phần mềm, dược phẩm		
Kim ngạch nhập khẩu	480 triệu USD	583 triệu USD	638 triệu USD
Mặt hàng nhập khẩu chính	Dầu mỏ, đá quý và kim loại, đồ điện tử, máy móc công nghiệp, hóa chất hữu cơ, nhựa, sắt và thép, mỡ và dầu, dụng cụ chính xác, hóa chất vô cơ		
Top 10 đối tác nhập khẩu 2018	Trung Quốc, Mỹ, Ả Rập Sê Út, UAE, Iraq, Thụy Sĩ, Hàn Quốc, Indonesia, Hồng Kông, Iran		
Kim ngạch xuất khẩu	439 triệu USD	498 triệu USD	536 triệu USD

Mặt hàng xuất khẩu chính	Dầu mỏ, đá quý và kim loại, máy móc công nghiệp, phương tiện giao thông và phụ tùng, hóa chất hữu cơ, dược phẩm, đồ điện tử, sắt và thép, bông
Top 10 đối tác xuất khẩu 2018	Mỹ, UAE, Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Anh, Đức, Bangladesh, Hà Lan, Nepal

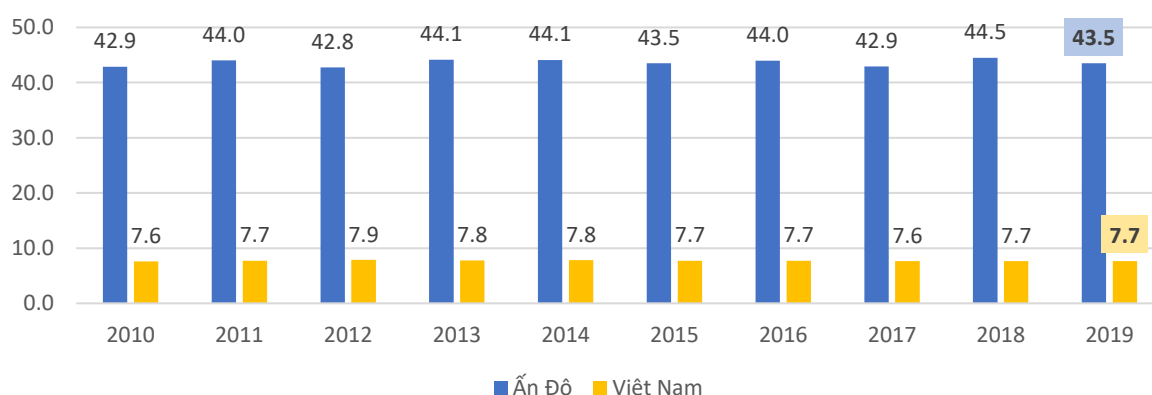
Nguồn: Global EDGE

II. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT LÚA GẠO CỦA ẤN ĐỘ

1. Biến động sản xuất

Gạo và lúa mì là hai nguồn ngũ cốc chính của Ấn Độ, trong đó gạo hiện đang chiếm 45% tổng diện tích sản xuất ngũ cốc của nước này, nhiều hơn diện tích sản xuất lúa mì, hiện chỉ chiếm 31% tổng diện tích sản xuất ngũ cốc của Ấn Độ. Trong 10 năm trở lại đây, diện tích sản xuất lúa gạo của Ấn Độ luôn đạt khoảng 42-44 triệu ha, tùy thuộc vào điều kiện thời tiết và giá gạo.

Hình 3: Diện tích sản xuất lúa gạo của Ấn Độ so với Việt Nam, trong giai đoạn 2010-2019 (đơn vị: triệu ha)

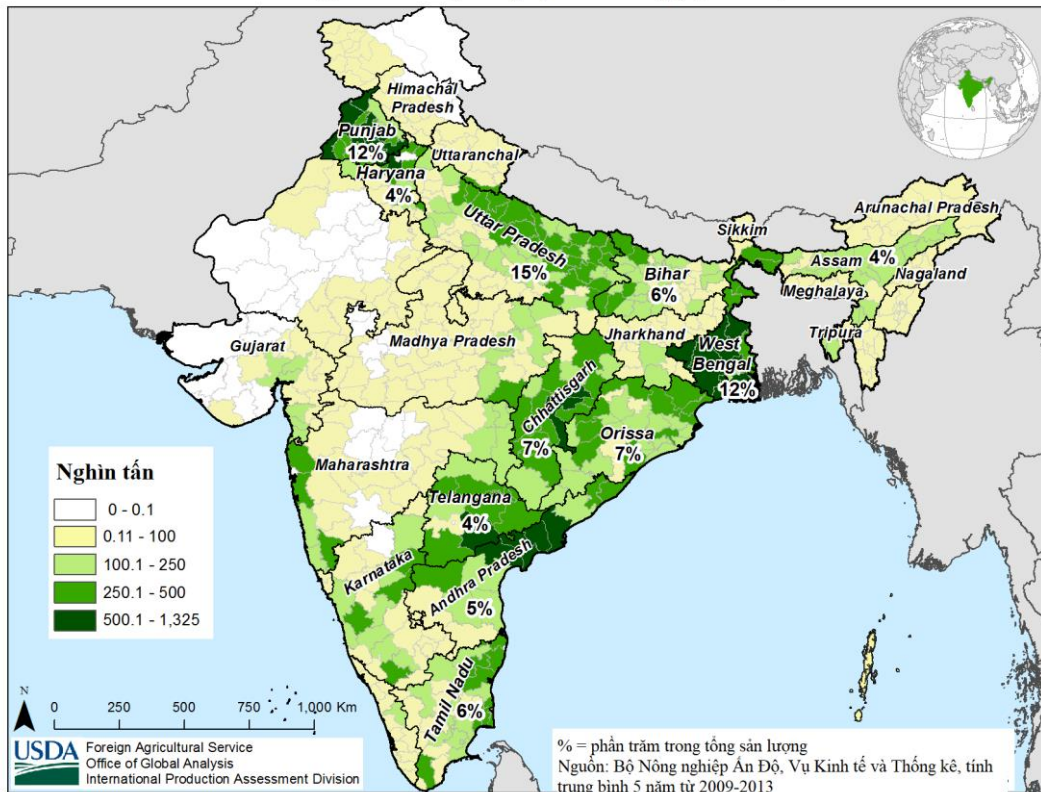


Nguồn: USDA

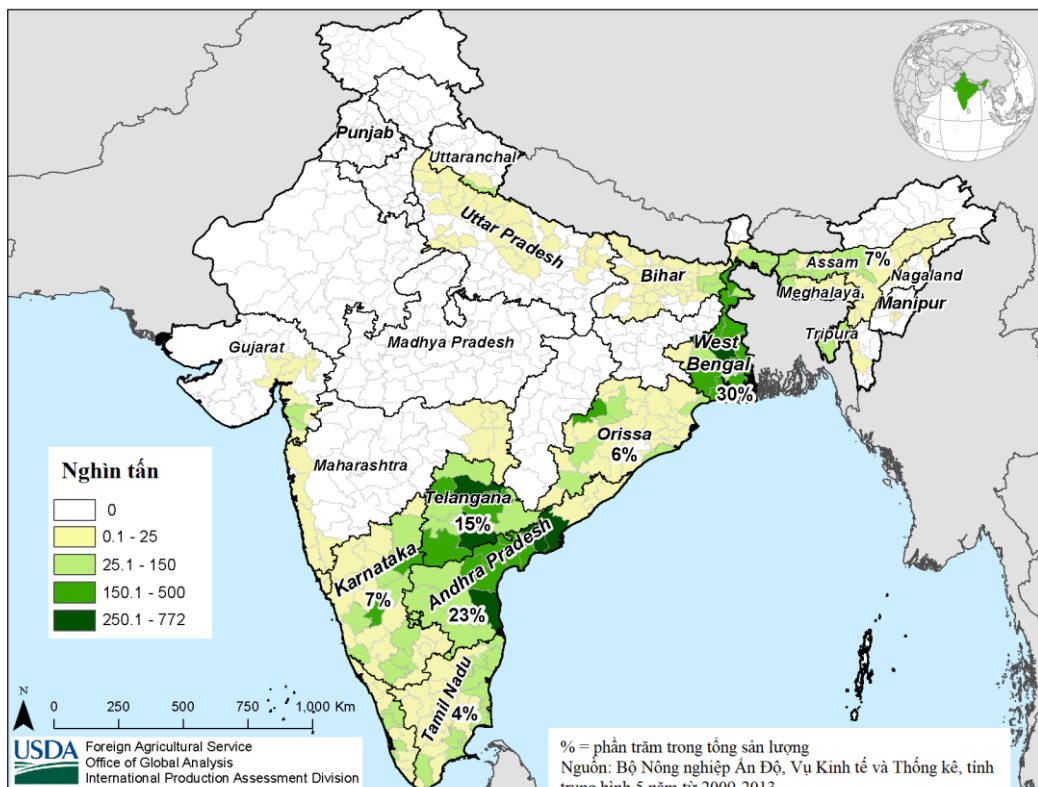
Khu vực trồng lúa chính của Ấn Độ là Tây Bengal, Uttar Pradesh, Andhra Pradesh, Punjab, Tamil Nadu, Odisha, Bihar và Chattisgarh. Các vùng này thường chiếm đến 72% diện tích và 75% sản lượng lúa toàn Ấn Độ. Tại Ấn Độ, lúa thường được gieo trồng từ 1 – 3 vụ trong một năm tùy theo điều kiện thời tiết. Vụ Thu (Autumn Rice/Pre – Kharif Rice) kéo dài từ tháng 6 đến tháng 10; vụ Hè (Summer Rice/Rabi Rice) từ tháng 7 đến tháng 11 và vụ Đông (Winter Rice/Kharif Rice) từ tháng 9 đến tháng 1 năm sau. Vùng Đông và Nam Ấn Độ do có thời tiết thuận lợi, lúa được gieo trồng 2 – 3 vụ/năm trong khi vùng Bắc và Tây Ấn Độ chỉ có thể gieo trồng 1 vụ từ tháng 6 đến tháng 11 vì mưa và rét nhiều vào mùa đông.

Hình 4: Bản đồ phân bố diện tích sản xuất lúa gạo của Ấn Độ

Sản xuất gạo của Ấn Độ trong vụ Thu - Đông (vụ Kharif)



Sản xuất gạo của Ấn Độ trong vụ Hè (vụ Rabi)

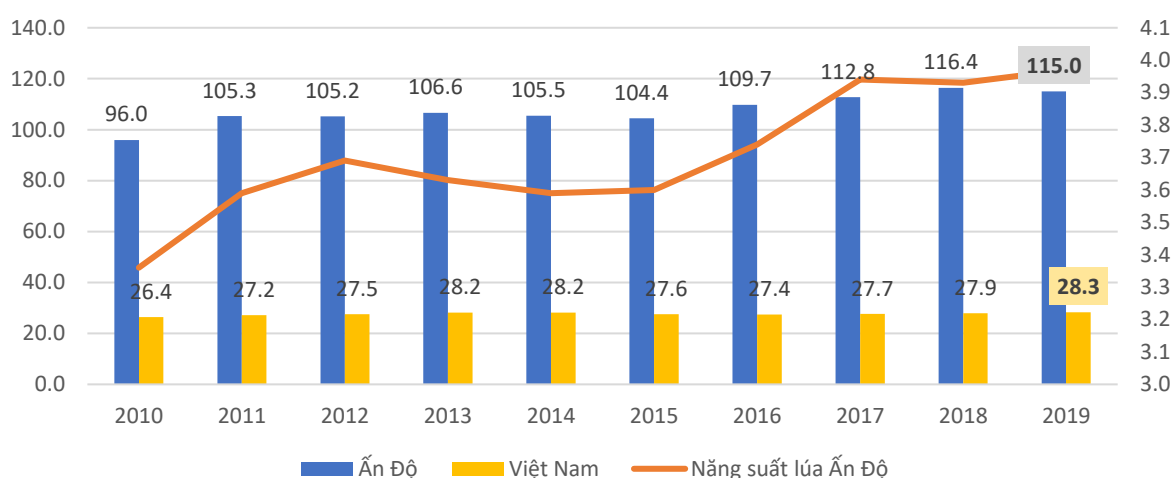


Nguồn: USDA

Theo USDA, sản lượng gạo của Ấn Độ trong 3 năm trở lại đây luôn đạt trên 110 triệu tấn. Ấn Độ là nước sản xuất gạo lớn thứ 2 thế giới chỉ sau Trung Quốc. Năm 2018, sản lượng gạo của Ấn Độ đạt mức kỉ lục là 116 triệu tấn, gấp khoảng 4 lần sản lượng gạo cùng năm đó của Việt Nam. Diện tích đất sản xuất lớn cùng nhân lực dồi dào là hai lợi thế lớn giúp Ấn Độ đạt được thành tích này.

Nhờ những cải tiến lớn về giống, kĩ thuật sản xuất và phân bón, năng suất lúa của Ấn Độ đã tăng mạnh trong 10 năm trở lại đây. Năm 2019, năng suất lúa của Ấn Độ ước đạt 4 tấn/ha, gấp 1,5 so với năm 2010.

Hình 5: Sản lượng lúa gạo của Ấn Độ so với Việt Nam (đơn vị: triệu tấn) và năng suất lúa của Ấn Độ (đơn vị: tấn/ha)



Nguồn: USDA

Ấn Độ có một nền nông nghiệp lâu đời, lúa đã được trồng tại Ấn Độ từ khoảng 14.000 năm trước đây. Đến năm 1970, Ấn Độ có đến 11.000 giống lúa. Nhưng do tác động của Cách mạng xanh trong ngành nông nghiệp, cùng với việc thâm canh, tăng vụ, nông dân đã chú trọng hơn đến các giống có thể độc canh và lai vụ, nên số lượng giống lúa của nước này giảm chỉ còn khoảng 600 giống lúa. Mười nhóm giống lúa hàng đầu hiện nay tại Ấn Độ: giống lúa gạo trắng, gạo nâu, gạo đỏ, lúa nếp, gạo đồ, gạo đen, basmati, gạo thơm, gạo chế biến sẵn, gạo từ lúa mọc hoang. Trong đó, basmati là giống lúa được người dân sử dụng nhiều nhất trong bữa ăn hàng ngày. Bởi vậy, tại Ấn Độ, người ta thường chỉ phân chia gạo theo 2 loại chính là basmati và phi basmati (tất cả các loại gạo còn lại). Trước đây, gạo basmati chủ yếu được sản xuất để xuất khẩu (khoảng 80%), còn gạo non-basmati được ưu tiên tiêu thụ nội địa. Trong vài năm gần đây, với sản lượng lúa gạo ngày càng tăng, gạo non-basmati đã được phép xuất khẩu sang một số thị trường mới, đặc biệt ở châu Phi.

Sản xuất lúa gạo của Ấn Độ đã có những bước tiến lớn trong 70 năm trở lại đây, từ một nước phải đối mặt với nạn thiếu lương thực trong những năm 1950, Ấn Độ đã

dần tự cung được lương thực và trở thành nước xuất khẩu gạo lớn nhất của thế giới. Cách mạng xanh là một trong những yếu tố đã đóng góp đáng kể cho thành tựu này của Ấn Độ.

Cách mạng xanh lần thứ nhất bắt đầu từ thập niên 50 và 60 của thế kỷ XX ở nhiều nước trên thế giới, thông qua các biện pháp kỹ thuật, nhất là phân bón, thuốc trừ sâu và giống mới bằng lai tạo, làm tăng năng suất đáng kể cho các loại cây trồng, nhất là lúa mì và lúa gạo. Năm 1963, Ấn Độ nhập một số chủng lúa mì mới của Mexico và xử lý chủng Sonora 64 bằng phóng xạ, đã tạo ra giống Sharbati Sonora, hàm lượng chất dinh dưỡng và chất lượng còn tốt hơn cả chủng Mexhico tuyển chọn. Ngoài các loại giống lúa mì, ngô, lúa,... Ấn Độ cũng nhập khẩu phân bón phục vụ cho việc nâng cao năng suất cây trồng và cải tạo hệ thống thủy nông, cung cấp lượng nước ổn định cho sản xuất nông nghiệp.

Cách mạng xanh lần hai bao gồm việc áp dụng công nghệ và kỹ thuật canh tác mới có năng suất cao, chất lượng tốt, giống mới có khả năng chống chịu dịch bệnh, thích nghi với môi trường, khí hậu khắc nghiệt; quản lý và điều phối nguồn nước tưới tiêu bằng cách chuyển nước từ miền Bắc xuống miền Tây và miền Nam. Cuộc cách mạng xanh lần hai tập trung cải thiện vật tư đầu vào, dịch vụ cho nông dân, khuyến nông và phương pháp quản lý, nhằm bảo đảm thu nhập cho người dân. Nhờ đó, Ấn Độ tăng năng suất lương thực lên gấp 2 – 3 lần. Kết quả là từ một nước có nạn đói kinh niên, không sao vượt qua ngưỡng 20 triệu tấn lương thực, Ấn Độ đã trở thành một nước có đủ ăn và dư thừa để xuất khẩu với tổng sản lượng lương thực kỷ lục 273 triệu tấn (trong đó có 109,15 triệu tấn lúa) năm 2016/17, tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Sản xuất lúa gạo của Ấn Độ đã đạt được những thành công lớn trong nhiều năm qua về diện tích, sản lượng và năng suất. Nhưng ngành này vẫn phải đối mặt với những thách thức không nhỏ:

- Sản xuất lúa gạo phụ thuộc nặng vào thời tiết, mưa thất thường gây lụt và hạn hán tại nhiều địa phương, nhất là phía Đông và Tây.

- Các vấn đề về ruộng đất, nhân lực và các yếu tố đầu vào như thuốc trừ sâu, phân bón, thuốc diệt cỏ: Hiện tượng đất bị chua hóa đang xảy ra tại phía Đông và phía Nam, trong khi tại miền Bắc, đất đang bị nhiễm mặn và kiềm hóa. Đất kém màu mỡ và thiếu photpho và kẽm cũng đang là những trở ngại cho nông nghiệp. Sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rệp, sâu cuốn lá, rầy xanh, muỗi hành... là những loại sâu thường gây thiệt hại diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng. Tồn thất sau thu hoạch cũng là vấn đề lớn của nông nghiệp, thường gây tổn thất 8 – 10% sản lượng.

2. Hoạt động sơ chế và chế biến sản phẩm

Trong những năm trở lại đây, Ấn Độ cũng chú trọng công tác giảm tổn thất sau thu hoạch thông qua tăng cường hoạt động của các nhà máy sơ chế, chế biến gạo. Hai hình thức chế biến gạo chủ yếu được áp dụng ở Ấn Độ là xay xát và đồ. Hiện nay, ngành xay xát chế biến gạo của Ấn Độ xử lý khoảng 85 triệu tấn thóc hàng năm và cung cấp lương thực cũng như các phụ phẩm lúa gạo cho khoảng 60% dân số Ấn Độ. Có khoảng 82.000 xưởng xay xát gạo đăng ký hoạt động trong nước và nhiều đơn vị khác chưa đăng ký hoạt động, 60% trong số đó có thêm các công nghệ đồ và phôi nắn. Năng lực trung bình của các nhà máy chế biến gạo từ 2 đến 4 tấn/ tiếng. Hiện tại, có khoảng 1.300.000 nhà máy chế biến gạo hoạt động ở Ấn Độ, trong đó có các nhà máy chế biến hiện đại. Ở các nhà máy chế biến hiện đại, sản phẩm cuối cùng trong dây chuyền sản xuất là gạo đã được đánh bóng sau khi xay xát.

Thị trường thu mua thóc để xay xát

Nông dân Ấn Độ được chia thành hai nhóm, tạm gọi là nông trang (những người sở hữu diện tích đất canh tác lớn, thường trên 4 ha) và nông trại (những người sở hữu diện tích đất trồng trọt nhỏ trong các làng xã). Cả hai nhóm này đều trồng lúa theo hai phương pháp hữu cơ (không sử dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu hoặc thuốc bảo vệ thực vật) hoặc vô cơ. Lúa basmati chủ yếu được trồng bằng phương pháp hữu cơ. Các loại lúa non-basmati có thể trồng theo phương pháp hữu cơ hoặc vô cơ.

Lúa hữu cơ dù được sản xuất bởi các nông trang hay nông trại thì phần lớn đều được thu mua trực tiếp bởi các doanh nghiệp chế biến xay xát. Điều này là vì trồng lúa hữu cơ chi phí tốn kém nên nông dân chỉ trồng khi có đơn đặt hàng từ phía doanh nghiệp chế biến. Lúa vô cơ của các nông trang đa phần cũng cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp chế biến. Qui mô trồng lúa tại các nông trang lớn nên giúp cho các nhà máy chế biến giảm chi phí thu gom và logistic. Chỉ một phần nhỏ do vấn đề về chất lượng phải bán qua thương lái hoặc qua các chợ nông sản (mundies). Trong khi đó lúa vô cơ của các nông trại thường được bán qua chợ nông sản hoặc qua thương lái. Các công ty chế biến sẽ mua lại lúa từ các chợ nông sản hoặc các thương lái với khối lượng lớn. Thông thường mỗi công ty chế biến sẽ có đầu mối thu mua tại chợ nông sản.

Nếu nông trang hoặc nông trại không bán được tại các chợ nông sản cho các đại lý thu mua với mức giá cao hơn mức giá tối thiểu thì các đại lý của chính phủ sẽ mua lại. Chính sách này chỉ áp dụng cho gạo non-basmati. Bên cạnh việc hỗ trợ nông dân trong việc thu mua lúa gạo với mức giá tối thiểu, Chính phủ Ấn Độ còn hỗ trợ cung ứng nguồn giống lúa thông qua các chương trình nghiên cứu của khu vực công và hoàn toàn không có sự nhập khẩu. Ngoài ra, Chính phủ Ấn Độ còn trực tiếp tài trợ các kỹ thuật canh tác, trồng cấy, chống dịch bệnh và thu hoạch thông qua các chương trình Cách mạng xanh như “System of Rice Intensification”.

Như vậy, trong phân đoạn thu mua thóc để xay xát tại Ấn Độ, mối quan hệ giữa nông dân và đơn vị xay xát tương đối trực tiếp. Nông dân hoặc bán thóc cho các đơn vị xay xát theo các đơn hàng từ trước hoặc bán thông qua các đại lý của đơn vị xay xát tại các chợ nông sản. Chỉ một phần nhỏ là phải bán qua thương lái. Hơn nữa, nông dân còn có quyền lựa chọn bán cho các đại lý của chính phủ trong trường hợp không bán được trên thị trường ở mức trên giá tối thiểu.

3. Chính sách hỗ trợ sản xuất

Chính sách hỗ trợ giá lương thực

Việc sản xuất lúa được chính phủ trung ương hỗ trợ trong chính sách trợ giá lương thực. Những năm gần đây, ngân sách trợ giá lương thực cho lúa và lúa mỳ tăng mạnh. Năm 2006/07, tổng trợ giá cho lúa và lúa mỳ là 238,28 tỷ Rs (5,295 tỷ USD). Năm 2007/8 là 312,6 tỷ Rs (6,947 tỷ USD), tăng 31,2% và năm 2008/09 là 436,68 tỷ Rs (9,704 tỷ USD), tăng 40%. Dưới đây là ví dụ về đơn giá hỗ trợ trong 5 năm trở lại đây dành cho lúa gạo:

Bảng 2: Hỗ trợ giá tối thiểu (MSP) cho sản xuất lúa (Đơn vị: Rs/tạ)

Giống lúa/Mùa vụ	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Thông thường	1360	1410	1470	1550	1750
Giống loại A	1440	1450	1510	1590	1770

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Ấn Độ

Chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Tại tất cả 25 bang và 7 lãnh thổ trực thuộc trung ương trên đất nước Ấn Độ đều có trường đại học nông nghiệp; đứng đầu là Học viện Nông nghiệp Pusha - cách thủ đô New Delhi khoảng 7 ki lô mét. Học viện có uy tín rất lớn này được thành lập từ rất sớm, cách đây 70 năm, chuyên đào tạo tiến sĩ cho mọi ngành trong nông nghiệp. Học viện luôn chú trọng gắn kết lý thuyết với thực tế và dành quỹ đất lớn để các học viên được thực hành, thử nghiệm đề tài của chính mình.

Tăng cường áp dụng khoa học và công nghệ thông tin vào nông nghiệp

Tăng trưởng trong nông nghiệp thông qua sử dụng công nghệ mới không chỉ tiết kiệm chi phí, không quá chịu ảnh hưởng vào điều kiện tự nhiên, tiếp tục cải tiến di truyền cho các hạt giống tốt hơn mà còn giúp cho Ấn Độ phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa kiến thức và thực hành, sử dụng tài nguyên đất một cách hợp lý, đạt hiệu quả trong quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Công nghệ thông tin: Giá hàng hóa, hoạt động nông nghiệp, thời tiết... là rất quan trọng cho người nông dân. Công nghệ thông tin có thể cung cấp thông tin này một cách dễ dàng và ngay lập tức thông qua máy tính hoặc trên một chiếc điện thoại di động cho người nông dân Ấn Độ. Hoạt động giao dịch bao gồm giá cả của các yếu tố đầu vào nông nghiệp cũng như hàng hóa và dịch vụ khác cũng được xử lý trên truyền hình cáp không dây hoặc điện thoại di động.

Trang web www.icar.org của Hội đồng Nghiên cứu nông nghiệp Ấn Độ (ICAR) có thể được xem là bộ bách khoa toàn thư trực tuyến đồ sộ nhất trong lĩnh vực nông nghiệp. Trên trang web, người dùng có thể tải về những tài liệu mới nhất được cập nhật liên tục liên quan đến các loại nông sản. Toàn bộ tài liệu gồm những kết quả rút ra từ các nghiên cứu quy mô lớn, nhỏ, sách điện tử liên quan, báo cáo khoa học đa dạng từ nhiều nguồn liên quan đến nông nghiệp, đều được chia sẻ cho cả cộng đồng. Theo ghi nhận của ICAR, mỗi tháng trung bình có hơn 2 triệu lượt tải về các tài liệu của trang web hữu dụng này từ người dùng của 157 quốc gia. Nội dung phong phú của trang web có thể phục vụ nhu cầu của không chỉ những nhà khoa học, mà còn cung cấp kiến thức thực tiễn cho nông dân, những nhà cung cấp lương thực và những người tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, tận dụng sự phát triển của ngành viễn thông quốc gia (hiện có gần 800 triệu thuê bao di động ở Ấn Độ) với giá cước cho một cuộc điện thoại di động chưa đến 1 rupi (500 VNĐ), ICAR phát triển thêm nhiều dịch vụ để phục vụ nông dân Ấn Độ một cách hiệu quả và trực tiếp nhất. Theo đó, người nông dân sẽ nhận được hai tin nhắn mỗi tuần về các thông tin cập nhật về hoạt động sản xuất, dịch vụ, thương mại liên quan đến nông nghiệp. Tính trung bình, mỗi nông dân nhận được 104 tin nhắn/năm. Dù mới triển khai chưa lâu, nhưng chương trình này đã nhận được những phản hồi tích cực từ người dân. Hơn nữa, thông qua www.icar.org, người tiêu dùng trên khắp thế giới có thể trực tiếp liên hệ và tìm nguồn cung cấp lương thực phù hợp nhất, tham khảo và chia sẻ kinh nghiệm qua nhiều công cụ được cung cấp miễn phí.

Công nghệ sinh học: Đối mặt với nguy cơ thiếu lương thực do dân số ngày càng tăng nhanh, đất canh tác nông nghiệp bị thu hẹp cộng với những rủi ro thiên tai, công nghệ sinh học đem lại những giải pháp hiệu quả đối với vấn đề an ninh lương thực giúp ổn định và tăng sản lượng nông nghiệp cho khoảng 110 triệu hộ gia đình nông dân Ấn Độ. Công nghệ sinh học đã góp phần đẩy nhanh sự phát triển về mặt năng suất và chất lượng cây trồng. Nhờ vào công nghệ sinh học việc tạo ra các giống cây trồng biến đổi gene với các đặc tính kháng được thuốc trừ cỏ, kháng sâu bệnh được dễ dàng hơn. Những loại cây trồng này ngoài năng suất cao mà chất lượng cũng được cải thiện đáng kể, góp phần thay đổi bộ mặt nông nghiệp Ấn Độ trong thời gian qua.

Chính sách công nghiệp hóa nông nghiệp

Người nông dân Ấn Độ đã sử dụng các máy móc, thiết bị cải tiến vào trong việc sản xuất lương thực, thực phẩm của mình. Chính nhờ những máy móc này đã góp phần tăng năng suất đáng kể.

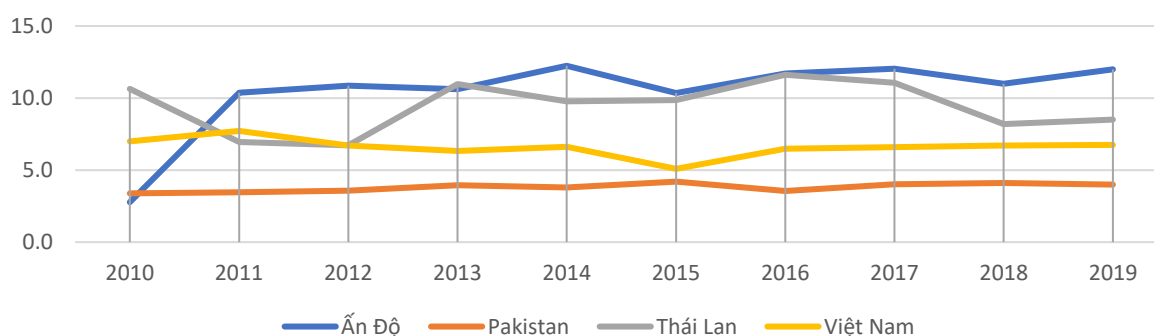
Bên cạnh những thửa ruộng được cấy bằng tay, một số nông dân lại tiến hành cấy lúa theo một phương pháp hiện đại hơn, đó là cấy lúa bằng máy. Đây là một giải pháp nằm trong gói giải pháp kỹ thuật tổng hợp nhằm nâng cao năng suất lúa, có tên gọi là Tegra. Khác biệt đầu tiên và quan trọng nhất của Tegra so với phương pháp canh tác lúa truyền thống là nó sản xuất ra mạ có chất lượng cao hơn rất nhiều so với mạ do người nông dân sản xuất. Việc cấy bằng máy cũng sẽ giúp mật độ mạ trên ruộng đều hơn, mạ bám rễ tốt; đồng thời tiết kiệm được nhân công. Với phương pháp này thì năng suất lúa bình quân sẽ tăng khoảng 1 – 1,5 tấn/ha.

III. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI LÚA GẠO CỦA ẤN ĐỘ

1. Xuất khẩu

Trong 9 năm trở lại đây, Ấn Độ luôn là nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới với tổng lượng xuất khẩu đạt trên 10 triệu tấn mỗi năm. Năm 2008, Ấn Độ ban hành lệnh cấm xuất khẩu lúa và lúa mỳ để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước. Sau đó, do nhu cầu tăng mạnh tại thị trường thế giới và sản xuất trong nước dư thừa, lệnh cấm đã được dỡ bỏ, nhưng chỉ cho phép xuất khẩu khối lượng hạn chế. Từ năm 2011, xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng trưởng mạnh. Năm 2019, dự báo tổng lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ sẽ đạt 12 triệu tấn, bằng với mức kỉ lục năm 2017 và chiếm đến 26,2% tổng lượng gạo xuất khẩu của thế giới.

Hình 6: Khối lượng xuất khẩu gạo trong giai đoạn 2010-2019 của Ấn Độ, Pakistan, Thái Lan và Việt Nam (đơn vị: triệu tấn)

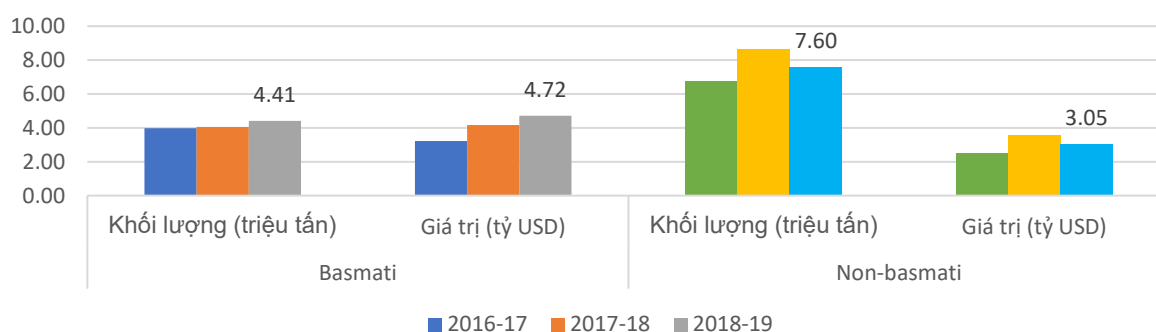


Nguồn: USDA

Gạo xuất khẩu của Ấn Độ được chia làm 2 loại chính là basmati (loại gạo thơm, hạt dài, được người dân sử dụng phổ biến) và gạo non-basmati (các loại gạo khác). Các loại gạo non-basmati thế mạnh của Ấn Độ là gạo đỏ (loại gạo hấp chín một nửa) và gạo trắng hạt dài. Theo ước tính của Tổng cục Thông tin & Thống kê Thương mại Ấn Độ

(DGCIS), trong năm tài chính 2018-19 (từ 1/4/2018 đến hết 31/3/2019), Ấn Độ đã xuất khẩu được 4,41 triệu tấn gạo basmati, trị giá 4,72 tỷ USD với đơn giá xuất khẩu trung bình đạt 1069 USD/tấn, tăng 33% so với đơn giá xuất khẩu trung bình năm 2016-17. Cũng trong năm này, Ấn Độ đã xuất khẩu được 7,6 triệu tấn gạo non-basmati, trị giá 3,05 tỷ USD với đơn giá xuất khẩu trung bình đạt 401 USD/tấn, tăng 7% so với đơn giá xuất khẩu trung bình năm 2016-17.

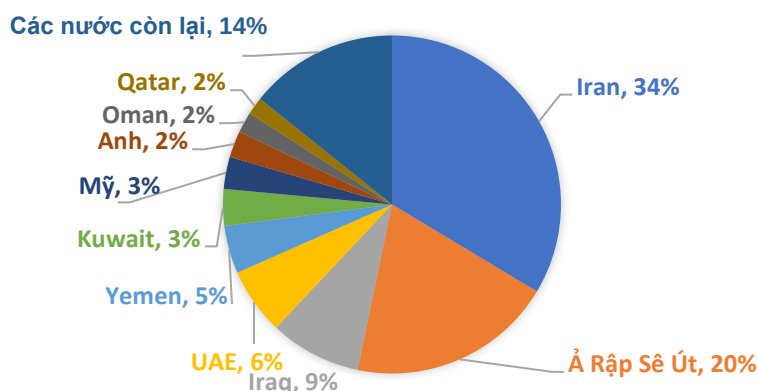
Hình 7: Xuất khẩu gạo basmati và non-basmati của Ấn Độ, giai đoạn 2016-19



Nguồn: Tổng cục Thông tin & Thống kê Thương mại Ấn Độ (DGCIS)

Các thị trường xuất khẩu gạo basmati chính của Ấn Độ trong năm 2019 là: (1) Iran: 1,48 triệu tấn trị giá 1,56 tỷ USD; (2) Ả Rập Sê Út: 867 nghìn tấn trị giá 940 triệu USD; (3) Iraq: 385 nghìn tấn trị giá 400 triệu USD; (4) UAE: 282 nghìn tấn trị giá 298 triệu USD; (5) Yemen: 201 nghìn tấn trị giá 210 triệu USD; (6) Kuwait: 154 nghìn tấn trị giá 178 triệu USD; (7) Mỹ: 135 nghìn tấn trị giá 169 triệu USD; (8) Anh: 111 nghìn tấn trị giá 106 triệu USD; (9) Oman: 87 nghìn tấn trị giá 97 triệu USD; (10) Qatar: 73 nghìn tấn trị giá 76 triệu USD.

Hình 8: Tỷ trọng xuất khẩu gạo basmati của Ấn Độ theo thị trường (theo giá trị)

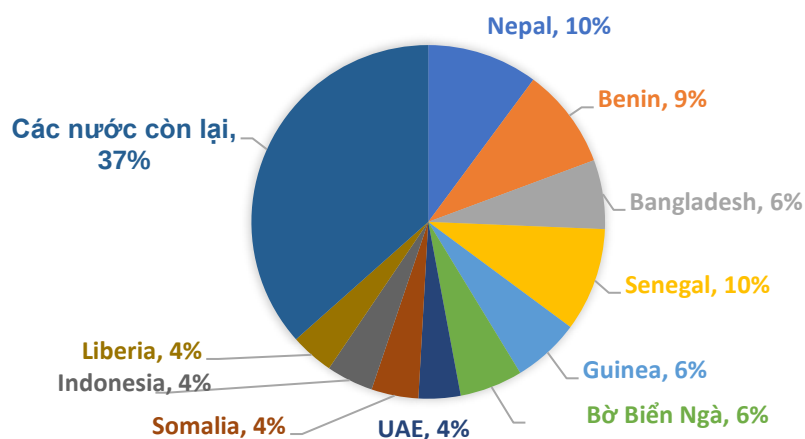


Nguồn: Tổng cục Thông tin & Thống kê Thương mại Ấn Độ (DGCIS)

Các thị trường xuất khẩu gạo non-basmati chính của Ấn Độ trong năm 2019 là: (1) Nepal: 770 nghìn tấn trị giá 282 triệu USD; (2) Benin: 699 nghìn tấn trị giá 265 triệu USD.

USD; (3) Bangladesh: 480 nghìn tấn trị giá 222 triệu USD; (4) Senegal: 720 nghìn tấn trị giá 222 triệu USD; (5) Guinea: 467 nghìn tấn trị giá 164 triệu USD; (6) Bờ Biển Ngà: 291 nghìn tấn trị giá 148 triệu USD; (7) UAE: 291 nghìn tấn trị giá 148 triệu USD; (8) Somalia: 326 nghìn tấn trị giá 121 triệu USD; (9) Indonesia: 326 nghìn tấn trị giá 120 triệu USD và (10) Liberia: 301 nghìn tấn trị giá 117 triệu USD.

Hình 9: Tỷ trọng xuất khẩu gạo non-basmati của Ấn Độ theo thị trường (theo giá trị)

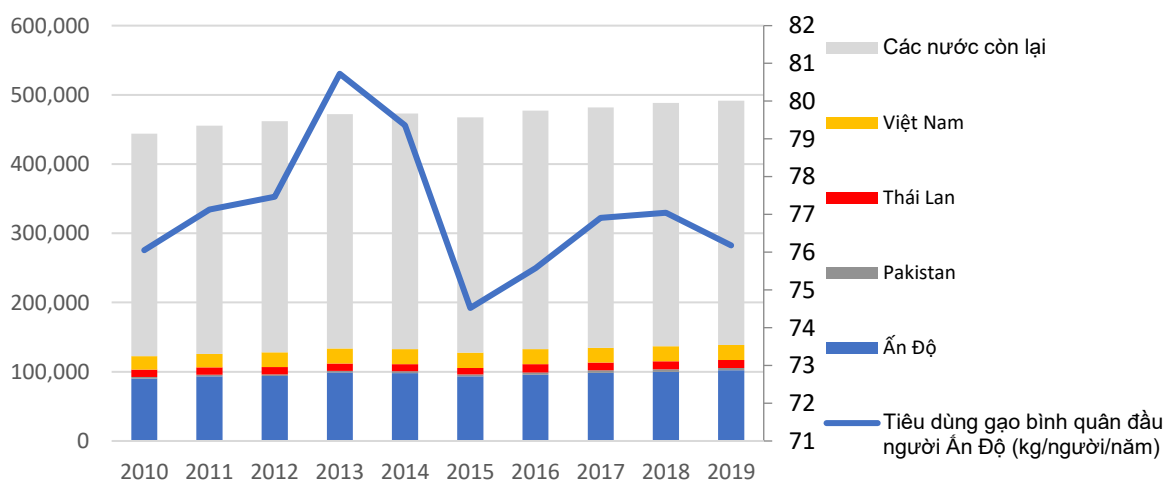


Nguồn: Tổng cục Thông tin & Thống kê Thương mại Ấn Độ (DGCIS)

2. Tiêu dùng trong nước

Tiêu dùng gạo bình quân đầu người ở Ấn Độ chỉ ở mức thấp của thế giới do gạo chỉ là nguồn ngũ cốc thứ yếu của nước này. Năm 2019, tiêu dùng gạo bình quân đầu người của Ấn Độ chỉ đạt khoảng 76 kg/người/năm. Tuy nhiên, do dân số lớn thứ 2 thế giới nên tổng lượng tiêu dùng gạo của Ấn Độ vẫn rất đáng kể, chiếm khoảng 20% tổng lượng tiêu dùng gạo của thế giới.

Hình 10: Tiêu dùng gạo của Ấn Độ so với thế giới và Tiêu dùng gạo bình quân đầu người ở Ấn Độ (kg/người/năm) trong giai đoạn 2010-2019

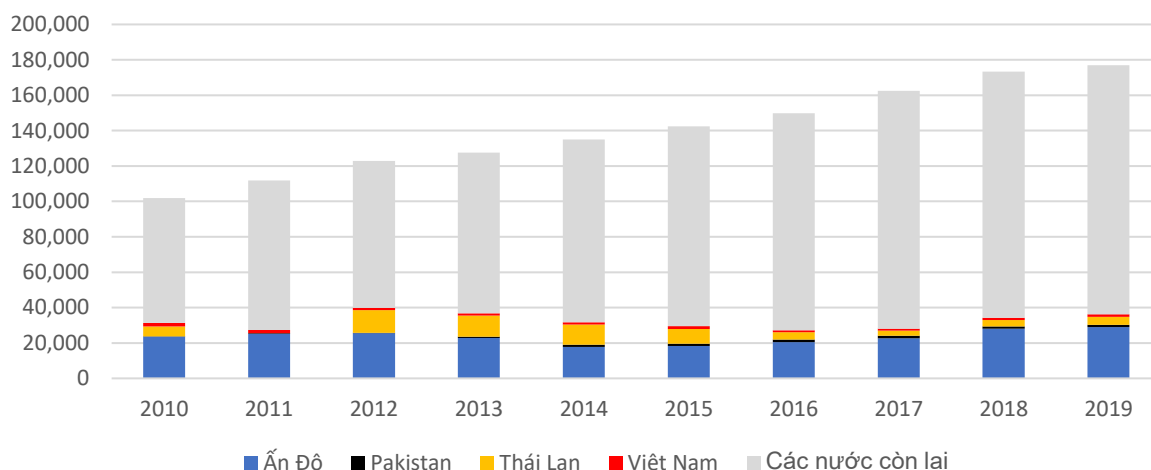


Nguồn: USDA

3. Dự trữ

Để đáp ứng nhu cầu của 1,3 triệu dân số nước này, Ấn Độ luôn phải duy trì lượng gạo dự trữ khổng lồ. Năm 2019, lượng gạo dự trữ của Ấn Độ ước đạt 29 triệu tấn, chiếm khoảng 16,4% tổng lượng gạo dự trữ của thế giới.

Hình 11: Lượng gạo dự trữ của Ấn Độ so với thế giới (đơn vị: nghìn tấn)

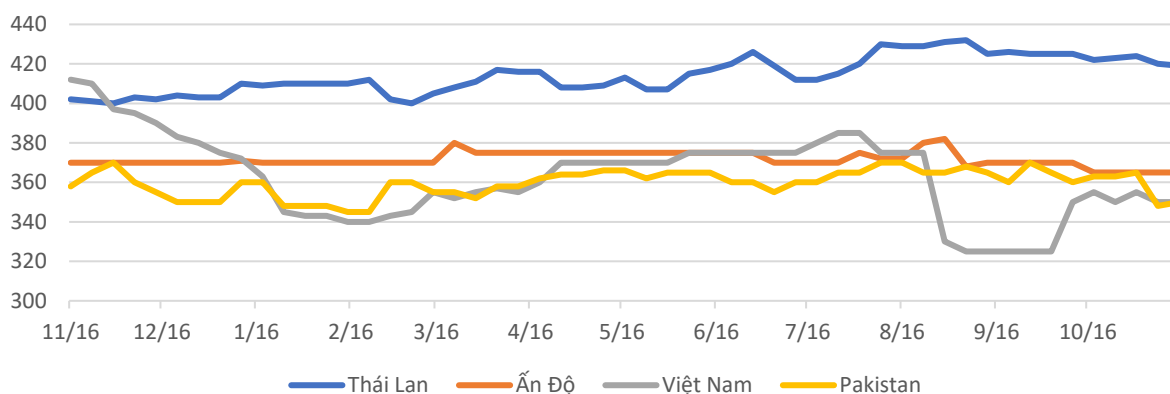


Nguồn: USDA

4. Biến động giá cả

Trong một năm trở lại, giá gạo xuất khẩu của Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam và Pakistan có sự phân hóa rõ rệt. Cùng loại gạo trắng thường, nhưng gạo Thái Lan luôn có mức giá cao nhất, chủ yếu do sự tăng giá của đồng Bạt so với đồng USD và do gạo Thái Lan có thương hiệu tốt trên thị trường. Gạo Ấn Độ, Pakistan và Việt Nam thường có mức giá gần bằng nhau do đều chưa xây dựng được thương hiệu, chú trọng vào số lượng nhiều hơn là chất lượng.

Hình 12: Giá gạo trắng 5% tằm xuất khẩu của Thái Lan, Ấn Độ, Việt Nam và Pakistan từ 11/2018 đến 11/2019 (đơn vị: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội Xuất khẩu gạo Thái Lan

Tuy gạo non-bastamin (trong đó chủ yếu là gạo trắng) vẫn là loại gạo đóng góp phần lớn vào xuất gạo của Ấn Độ, nhưng gạo basmati của nước này cũng là loại gạo quan trọng không kém bởi đây là loại gạo đặc sản thơm, hạt dài được ưa chuộng bởi các nước Trung Đông và cộng đồng Ấn Độ ở nước ngoài và giá gạo basmati thường đạt khoảng 1000 USD/tấn, gấp đôi giá gạo trắng thông thường.

5. Chính sách thương mại

Các cam kết khu vực, song phương, đa phương, WTO

Bên lề Hội nghị cao cấp Tổ chức Hợp tác Thương Hải (SCO) 2018 tháng 6 vừa qua, Ấn Độ và Trung Quốc đã ký kết thỏa thuận tăng cường quan hệ giữa hai nước, trong đó, Trung Quốc sẽ điều chỉnh một số yêu cầu về gạo xuất khẩu của Ấn Độ sang Trung Quốc ngoài giống gạo Basmati cao cấp. Trong nhiều năm qua, mặc dù có giá cạnh tranh nhưng gạo Ấn Độ không tiếp cận được thị trường Trung Quốc do các điều khoản khắt khe về an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật của nước này. Với các điều khoản được điều chỉnh trong thỏa thuận vừa được ký kết, gạo Ấn Độ sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận được với thị trường Trung Quốc nếu đạt được yêu cầu về kiểm dịch thực vật của phía Trung Quốc.

Các chính sách đảm bảo an ninh lương thực

Việc thu mua và đưa vào dự trữ quốc gia được Chính phủ giao cho Tổng Công ty Lương thực Ấn Độ (tập đoàn của Nhà nước) thực hiện. Tổng thu mua dự trữ quốc gia về gạo năm 2016/17 đạt 38,105 triệu tấn, năm 2015/16 đạt 34,218 triệu tấn. Tổng thu mua dự trữ quốc gia tại 4 bang chính về lúa gạo Punjab, Haryana, Uttar Pradesh, Haryana thường chiếm gần 70% về lượng của dự trữ toàn Ấn Độ (Nguyễn Tuấn Quang, 2017)

Ngoài ra, gạo xuất khẩu cũng như nhiều mặt hàng khác được chính phủ hỗ trợ các mức 50%, 75% và thậm chí 90% chi phí vận tại nội địa tùy theo từng vùng, từng dạng hàng hóa có các điều kiện khó khăn khác nhau như vùng Đông Bắc, Jammu và Kashmir... và vận chuyển nguyên liệu thô hay dạng thành phẩm.

Ngoài Tổng công ty Lương thực Ấn Độ, MMTC Ltd., PEC Ltd., nhiều công ty có năng lực khác cũng được chính phủ cấp giấy phép xuất khẩu gạo theo chỉ tiêu được giao hàng năm hoặc đột xuất.

Chính sách điều hành về phân phối và xuất nhập khẩu lúa gạo

Xuất khẩu gạo phải chịu thuế xuất khẩu theo quy định của từng giai đoạn. Chính phủ quy định hạn ngạch xuất khẩu và chỉ định các công ty thực hiện việc xuất khẩu.

Các văn phòng khu vực của Tổng vụ Ngoại thương cấp giấy phép xuất khẩu cho các công ty trên cơ sở hạn ngạch hoặc quyết định của chính phủ.

Tùy theo diễn biến của thị trường trong và ngoài nước và an ninh lương thực, chính phủ có những quyết định phi thị trường liên quan tới lúa gạo. Ví dụ: cấm xuất khẩu gạo khi lượng dự trữ xuống thấp, giá cả lương thực và thế giới tăng cao năm 2008, dỡ bỏ cấm xuất khẩu gạo với một vài nước tại Nam Á và Châu Phi đầu năm 2009.

Các chính sách để tăng cường cạnh tranh của gạo xuất khẩu

Bảo đảm có giống tốt và cung cấp cho nông dân với giá có trợ cấp. Tăng cường phát triển giống lúa năng suất và chất lượng cao cho xuất khẩu.

Phát triển sản phẩm mới và kỹ thuật chế biến mới.

Điều tra, quy hoạch để tạo các vùng chuyên gieo trồng lúa có chất lượng, năng suất cao dùng cho xuất khẩu. Duy trì và tăng cường công tác tiêu chuẩn hóa để có các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường thế giới.

Sản xuất, thu mua và chế biến gạo basmati và phi basmati được tổ chức một cách có hệ thống để duy trì chất lượng cho xuất khẩu. Tăng cường nghiên cứu và phát triển để có gạo chất lượng ngày một cao. Chính sách xuất khẩu linh hoạt, thân thiện, tạo điều kiện cho sản xuất, chế biến và lưu thông.

Tăng cường cơ sở hạ tầng: đường xá, cảng, kho, bãi... và tiếp tục hiện đại hóa các nhà máy chế biến gạo.

Quản lý việc phân phối, tiêu thụ gạo theo hệ thống

Hiện nay, cơ quan nhà nước chủ quản ngành nông nghiệp là Bộ Nông nghiệp. Bên cạnh đó còn có sự tham gia của Bộ Tiêu dùng, Lương thực và Phân phối công cộng (Ministry of Consumer Affairs, Food and Public Distribution) trong quá trình điều tiết, quản lý phân phối, dự trữ và tiêu dùng gạo và lương thực trong nước. Bộ này cũng có thể tham gia hợp tác với nước ngoài để giữ giá xuất khẩu gạo có lợi nhất cho người sản xuất. Tại Ấn Độ, xuất khẩu nói chung và xuất khẩu gạo nói riêng được mua bảo hiểm (bảo hiểm tín dụng xuất khẩu).

Theo qui định, các cơ quan có quyền đưa ra quyết định về việc xuất khẩu, nhập khẩu, đình chỉ, cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ là: Hội đồng Thương mại Quốc gia (Board of Trade); Bộ LTĐD và PPCC; Hiệp hội các Nhà xuất khẩu gạo toàn Ấn Độ – All India Rice Exporters Associations/AIREA; Liên đoàn các Tổ chức Xuất khẩu Ấn Độ – Federation of Indian Exporters Association/FIEO. Hội đồng Thương mại Quốc gia là cơ quan tư vấn cho chính phủ về các chính sách, quyết định có liên quan đến thương

mại trong và ngoài nước. Hội đồng bao gồm 35 thành viên, do Bộ trưởng Thương mại và Công nghiệp làm chủ tịch. Các thành viên khác là đại diện các bộ liên quan (Thương mại và Công nghiệp; Tài chính; Ngoại giao; Vận tải biển, Ngân hàng dự trữ Ấn Độ), các Chủ tịch các Cơ quan xúc tiến xuất khẩu, các Phòng Thương mại và Công nghiệp (FICCI, ASSOCHAM, CII) và đại diện từ một số tập đoàn, công ty lớn.

Bộ Thương mại và Công nghiệp giữ vai trò trung tâm, quản lý về chính sách xuất nhập khẩu thông qua các quyết định của Tổng vụ Ngoại thương (Directorate General of Foreign Trade). Trên cơ sở thực tế diễn biến của tình hình lương thực trong nước, ngoài nước, tham khảo ý kiến của các cơ quan có liên quan (Bộ TD, LT và Phân phối Công cộng, Hiệp hội các Nhà xuất khẩu gạo toàn Ấn Độ, Liên đoàn Xuất khẩu Ấn Độ), Bộ Thương mại và Công nghiệp ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các chính sách về xuất nhập khẩu.

Bộ Thương mại và Công nghiệp (trực tiếp là Tổng vụ Ngoại thương – Directorate General of Foreign Trade) ban hành, sửa đổi, bổ sung chính sách về XNK nói chung và XNK gạo nói riêng theo 3 hình thức văn bản : (1) Notification: quyết định về cấm xuất, cấm nhập, hạn chế, sửa đổi Quy định về XNK; (2) Public Notice: quy định, sửa đổi về thủ tục XNK và (3) Policy Circulars: quy định về cấm, hạn chế XNK

Thị trường mua bán gạo để phân phối trong nước và xuất khẩu

Các doanh nghiệp tư nhân sau khi thực hiện quy trình chế biến từ thóc thành gạo đóng bao thành phẩm thường phải bán lại theo chính sách của nhà nước, từ 50 - 70% lượng gạo thành phẩm với mức giá thu gom do nhà nước đề ra.

Cộng với lượng gạo được chế biến từ lúa thu mua ở mức giá tối thiểu trực tiếp từ các nông hộ, lượng gạo do nhà nước nắm giữ xấp xỉ khoảng 70-80% tổng sản lượng gạo của Ấn Độ, bao gồm chủ yếu là gạo non-basmati và một lượng nhỏ gạo basmati. Lượng gạo này sẽ được lưu kho và phân phối lại thông qua “Hệ thống phân phối công lập - PDS” để đảm bảo an ninh lương thực cho 65% dân số nội địa (theo Đạo luật an ninh lương thực, Chính phủ Ấn Độ phải cung cấp đủ gạo trợ giá cho 62,5% dân số, bao gồm 50% ở thành thị và 70% ở nông thôn).

Như vậy, khu vực tư nhân chỉ chiếm lĩnh chưa đến 40% thị trường phân phối gạo trong nước. Với cơ chế này, Chính phủ Ấn Độ có thể kiểm soát được giá cả gạo trong nước. Tuy nhiên, cơ chế này khiến cho người dân trong nước ít có cơ hội tiêu thụ gạo basmati chất lượng cao mà chủ yếu tiêu thụ gạo non-basmati chất lượng thấp. Hoạt động xuất khẩu của Ấn Độ được thực hiện bởi cả nhà nước và tư nhân. Tập đoàn Thực phẩm Ấn Độ (The Food Corporation of India) là doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm điều phối hoạt động xuất khẩu cho các hợp đồng G2G. Khoảng 100 doanh nghiệp tư nhân (trong đó có đến 40 doanh nghiệp đa quốc gia) được cấp phép xuất khẩu gạo, hoặc

thông qua Quota phân bổ các hợp đồng G2G của Tập đoàn Thực phẩm Ấn Độ, hoặc qua các hợp đồng kinh tế tự ký kết với các tập đoàn đa quốc gia hoặc các doanh nghiệp tại các thị trường xuất khẩu của Ấn Độ. Trong số các doanh nghiệp tư nhân xuất khẩu, tập đoàn India Gate chiếm đến 49% doanh thu xuất khẩu gạo của Ấn Độ.

Chính phủ Ấn Độ kiểm soát chặt chẽ sản lượng gạo xuất khẩu và loại gạo xuất khẩu. Trước 2011, Ấn Độ cấm xuất khẩu gạo nonbasmati, do mục tiêu an ninh lương thực. Chỉ có gạo Basmati được xuất khẩu sang các thị trường Trung Đông (thị trường lớn nhất), Châu Âu (chiếm 84% thị phần Châu Âu), Bắc Mỹ và Châu Úc. Nhưng từ sau 2011, Ấn Độ cho phép xuất khẩu gạo non-basmati sang các thị trường mới ở Châu Phi, Trung Quốc (cạnh tranh với Thái Lan, Việt Nam) và Mexico (cạnh tranh với Mỹ).

Mặc dù kiểm soát chặt chẽ nguồn cung xuất khẩu nhưng chính phủ Ấn Độ lại có cơ chế hành chính rất thông thoáng cho các doanh nghiệp (gồm cả doanh nghiệp nhà nước và tư nhân). Đặt các doanh nghiệp này vào môi trường cạnh tranh tự do, tìm kiếm các hợp đồng bán gạo cho các tổ chức buôn bán gạo đa quốc gia. Nhờ các chính sách này Ấn Độ đã nhanh chóng vươn lên giành vị trí số 1 thị trường xuất khẩu gạo. Vào năm 2012, Ấn Độ xuất khẩu 3,5 triệu tấn gạo basmati và 6,6 triệu tấn non-basmati. Mặc dù chỉ chiếm 35% tỷ trọng khối lượng xuất khẩu, gạo basmati mang lại 58% doanh thu từ xuất khẩu gạo.

III. KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ LƯU Ý CHO NGÀNH GẠO VIỆT NAM

1. Kết luận

Sản xuất lúa gạo của Ấn Độ đã có những bước tiến lớn trong nửa thập kỷ qua nhờ thực hiện các cuộc Cách mạng xanh trong nông nghiệp. Hiện nay, Ấn Độ nằm trong số các nước đứng đầu về canh tác và áp dụng máy móc cơ khí vào trong nông nghiệp trong đó có ngành gạo. Trên thực tế, đây là nước thứ nhì về diện tích canh tác và đứng nhất về diện tích được tưới tiêu và đứng thứ 3 về cơ giới hóa trang trại. Do đó, ngành gạo của Ấn Độ có năng suất cao. Sản lượng sản xuất hàng năm lớn và ngày càng tăng nên lượng gạo xuất khẩu gạo của Ấn Độ tương đối ổn định. Ngoài ra, Chính phủ Ấn Độ đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ xuất khẩu gạo như phát triển giống lúa năng suất cao, tăng cường nghiên cứu để nâng cao chất lượng gạo đáp ứng yêu cầu của các thị trường quốc tế.

Xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng trưởng mạnh kể từ năm 2012, với sự gia tăng mạnh mẽ của dòng gạo Basmati đến các thị trường các nước phát triển. Ngoài các thị trường cao cấp tiêu thụ gạo Basmati của Ấn Độ như Hoa Kỳ, các nước Châu Âu, Các tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất, gạo phi Basmati của Ấn Độ chiếm lĩnh phần lớn thị trường Châu Phi và Trung Đông. Gần đây, Trung Quốc cũng đang trở thành một thị trường xuất khẩu tiềm năng của cả 2 dòng gạo Basmati và phi Basmati của Ấn Độ.

2. Một số lưu ý cho ngành gạo Việt Nam

Với gạo phi Basmati, thị trường châu Phi, và Trung Đông đang là thị trường xuất khẩu gạo Phi Basmati lớn của Ấn Độ, đồng thời cũng đang là thị trường xuất khẩu gạo mới nổi của Việt Nam với lượng và giá trị xuất khẩu tăng dần trong những năm gần đây, đặc biệt với các loại gạo thơm, Jasmine. Xuất khẩu gạo Việt Nam sang các thị trường này phải cạnh tranh lớn nhất với gạo Ấn Độ về cả giá cả và phương thức thanh toán. Trong 3 năm trở lại đây, giá gạo trắng 5% tấm của Ấn Độ luôn thấp hơn giá của gạo cùng loại từ Việt Nam hay Thái Lan do tỷ giá đồng Rupee suy yếu, điều này giúp gạo trắng của Ấn Độ dễ được các nhà nhập khẩu châu Phi ưu tiên thu mua hơn so với gạo của Việt Nam hay Thái Lan. Hơn nữa, do điều kiện địa lý, văn hóa gần gũi với các nước Nam Á, châu Phi nên các sản phẩm nông nghiệp của Ấn Độ xuất khẩu sang các thị trường này có lợi thế hơn cả về giá cả lẫn thị hiếu người tiêu dùng. Để cạnh tranh được với Ấn Độ ở các thị trường này, Việt Nam cần chú trọng một số vấn đề sau đây:

- Nâng cao chất lượng gạo, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật theo yêu cầu của các nước, đặc biệt như Iraq, Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất
- Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần tìm cách khắc phục vướng mắc trong việc mua hàng trả chậm của các nước Châu Phi
- Đẩy mạnh tìm hiểu thông tin thị trường, và công tác xúc tiến thị trường đến các nước châu Phi và Trung Đông (hiện tại các doanh nghiệp Việt Nam chưa có nhiều kênh thông tin để tìm hiểu về thị trường Châu Phi và Trung Đông. Việt Nam chỉ có 9 Đại sứ quán và 5 Thương vụ tại châu Phi nên khả năng giới thiệu, thẩm tra đối tác, xin visa... nhất là ở những nước khác gặp nhiều khó khăn. Hiện tại các doanh nghiệp chỉ có thể liên hệ các thương vụ Việt Nam tại các nước hoặc thông qua mạng internet)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp Ấn Độ: <http://agriculture.gov.in/>
2. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA),
<https://apps.fas.usda.gov/psdonline/app/index.html#/app/home>
3. Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ (MOCI) – Cục Thương mại:
<http://commerce.gov.in/>
4. Cơ quan thúc tiến xuất khẩu nông sản và thực phẩm Ấn Độ:
<http://agriexchange.apeda.gov.in/>
5. Cục Xúc tiến thương mại. (2018). *Hồ sơ thị trường Ấn Độ*. VCCI-Ban Quan hệ Quốc tế
6. Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan -
http://www.thairiceexporters.or.th/default_eng.htm
7. Nguyễn Đức Thành & Đinh Tuấn Minh. (2015). *Thị trường lúa gạo Việt Nam: Cải cách để hội nhập – Cách tiếp cận cấu trúc thị trường*. VEPR
8. Nguyễn Tuấn Quang, 2017, Sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Ấn Độ, Trung tâm nghiên cứu Ấn Độ, Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
9. Parveen Kumar, M.S. Nain, 2013, Agriculture in India: A SWOT Analysis, Indian Journal of Applied Research:
(https://www.researchgate.net/publication/244992809_Agriculture_in_India_A_SWOT_analysis)
10. Tổng cục Thông tin và thống kê thương mại Ấn Độ (DGCIS):
<https://data.gov.in/keywords/directorate-general-commercial-intelligence-and-statistics>